TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BÌNH PHƯỚC**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **53/2022/DS-PT**
Ngày 09-6-2022
V/v: *"Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản và vay tài sản"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thư
Các Thẩm phán: Bà Lê Hồng Hạnh
Ông Lê Quang Ninh

- Thư ký phiên tòa: Bà Hồ Thị Nga - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước: Bà Đào Thị Tân - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 09 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước tiến hành xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 21/2022/TLPT-DS ngày 24 tháng 02 năm 2022 về "*Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản và tranh chấp hợp đồng vay tài sản*".

Do Bản án Dân sự sơ thẩm số 51/2021/DS-ST ngày 28 tháng 10 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 60/2022/QĐXXPT-DS ngày 12 tháng 4 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Lương Thị L, sinh năm 1988 *(có mặt)*
Địa chỉ: thôn 2, xã B, huyện B, tỉnh Bình Phước.

- *Bị đơn:*
1. Bà Phan Thị Dung N, sinh năm 1978; *(vắng mặt)*
2. Anh Nguyễn Nhựt D, sinh năm 1996; *(vắng mặt)*
Cùng địa chỉ: thôn 3, xã B, huyện B, tỉnh Bình Phước.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Ông Huỳnh Văn L1, sinh năm 1982; Địa chỉ: khu phố P, phường T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước; *(có mặt)*

- *Người kháng cáo:* Bị đơn bà Phan Thị Dung N, ông Nguyễn Nhựt D.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Lương Thị L trình bày:

Bà L và bà Phan Thị Dung N có quen biết nhau do làm ăn mua bán cà phê. Bà L có mua cà phê nhiều lần của bà Phan Thị Dung N và anh Nguyễn Nhựt D theo hình thức nhận tiền trước, giao hàng sau cụ thể:

- Ngày 13/8/2020 (dương lịch) bà L có mua của mẹ con bà N anh D cà phê tươi số lượng 40 tấn, hai bên chốt giá 4.500.000đồng/01kg x 40 tấn = 180.000.000đồng, bà L đã trả đủ tiền cho bà N anh D, hai bên thỏa thuận đến ngày 20/9/2020 âm lịch bà N giao số cà phê tươi trên cho bà L. Hai bên có làm giấy biên nhận.

- Ngày 15/8/2020 bà L có mua của mẹ con bà N anh Nguyễn Nhựt D cà phê nhân số lượng 06 tấn, hai bên chốt giá tại thời điểm mua bán là 25.000đồng/01kg x 06 tấn = 150.000.000đồng, bà L đã trả đủ tiền cho bà N anh D.

- Ngày 21/8/2020 bà L có mua của mẹ con bà N anh D cà phê nhân số lượng 03 tấn, hai bên chốt giá tại thời điểm mua bán là 24.000đồng/01kg x 03 tấn = 72.000.000đồng, bà L đã trả đủ tiền cho bà N anh D.

- Ngày 25/8/2020 bà L có mua của mẹ con bà N anh D cà phê tươi số lượng 50 tấn, hai bên chốt giá tại thời điểm mua bán là 4.500đồng/01kg x 50 tấn = 225.000.000đồng, bà L đã trả đủ tiền cho bà N anh D.

- Ngày 04/9/2020 bà L có mua của mẹ con bà N anh D cà phê nhân số lượng 05 tấn, hai bên chốt giá tại thời điểm mua bán là 24.000đồng/01kg x 05 tấn = 120.000.000đồng, bà L đã trả đủ tiền cho bà N anh D.

- Ngày 09/9/2020 bà L có mua của mẹ con bà N anh D cà phê tươi số lượng 20 tấn, hai bên chốt giá tại thời điểm mua bán là 4.700đồng/01kg x 20 tấn = 94.000.000đồng, bà L đã trả đủ tiền cho bà N anh D.

- Ngày 25/9/2020 bà L có mua của mẹ con bà N anh D cà phê nhân số lượng 03 tấn, hai bên chốt giá tại thời điểm mua bán là 24.000đồng/01kg x 03 tấn = 72.000.000đồng, bà L đã trả đủ tiền cho bà N anh D.

- Ngày 03/10/2020 bà L có mua của mẹ con bà N anh D cà phê tươi số lượng 10 tấn, hai bên chốt giá tại thời điểm mua bán là 4.700đồng/01kg x 10 tấn = 47.000.000đồng, bà L đã trả đủ tiền cho bà N anh D.

- Ngày 08/10/2020 bà L có mua của mẹ con bà N anh D cà phê nhân số lượng 03 tấn, hai bên chốt giá tại thời điểm mua bán là 24.000đồng/01kg x 03 tấn = 72.000.000đồng, bà L đã trả đủ tiền cho bà N anh D.

- Ngày 19/10/2020 bà L có mua của mẹ con bà N anh D cà phê tươi số lượng 12 tấn, hai bên chốt giá tại thời điểm mua bán là 5.000đồng/01kg x 12 tấn = 60.000.000đồng, bà L đã trả đủ tiền cho bà N anh D.

- Ngày 20/10/2020 bà L có mua của mẹ con bà N anh D cà phê tươi số lượng 20 tấn, hai bên chốt giá tại thời điểm mua bán là 5.000đồng/01kg x 20 tấn = 100.000.000đồng, bà L đã trả đủ tiền cho bà N anh D.

- Ngày 25/10/2020 bà L có mua của mẹ con bà N anh D cà phê nhân số lượng 02 tấn, hai bên chốt giá tại thời điểm mua bán là 25.000đồng/01kg x 02tấn = 50.000.000đồng, bà L đã trả đủ tiền cho bà N anh D.

- Ngày 26/10/2020 bà L có mua của mẹ con bà N anh D cà phê tươi số lượng 10 tấn, hai bên chốt giá tại thời điểm mua bán là 5.500đồng/01kg x 10 tấn = 55.000.000đồng, bà L đã trả đủ tiền cho bà N anh D.

- Ngày 30/10/2020 bà L có mua của mẹ con bà N anh D cà phê tươi số lượng 10 tấn, hai bên chốt giá tại thời điểm mua bán là 5.500đồng/01kg x 10 tấn = 55.000.000đồng, bà L đã trả đủ tiền cho bà N anh D.

- Ngày 01/11/2020 bà L có mua của mẹ con bà N anh D cà phê nhân số lượng 02 tấn, hai bên chốt giá tại thời điểm mua bán là 27.000đồng/01kg x 02 tấn = 54.000.000đồng, bà L đã trả đủ tiền cho bà N anh D.

- Ngày 03/11/2020 bà L có mua của mẹ con bà N anh D cà phê nhân số lượng 01 tấn, hai bên chốt giá tại thời điểm mua bán là 27.000đồng/01kg x 01 tấn = 27.000.000đồng, bà L đã trả đủ tiền cho bà N anh D.

- Ngày 11/11/2020 bà L có mua của mẹ con bà N anh D cà phê tươi số lượng 20 tấn, hai bên chốt giá tại thời điểm mua bán là 6.300đồng/01kg x 20 tấn = 126.000.000đồng, bà L đã trả đủ tiền cho bà N anh D.

- Ngày 13/11/2020 bà L có mua của mẹ con bà N anh D cà phê tươi số lượng 30 tấn, hai bên chốt giá tại thời điểm mua bán là 6.400đồng/01kg x 30 tấn = 192.000.000đồng, bà L đã trả đủ tiền cho bà N anh D.

- Ngày 17/11/2020 bà L có mua của mẹ con bà N anh D cà phê tươi số lượng 12 tấn, hai bên chốt giá tại thời điểm mua bán là 6.600đồng/01kg x 12 tấn = 79.200.000đồng, bà L đã trả đủ tiền cho bà N anh D. Những lần mua bán hai bên thỏa thuận miệng với nhau trong khoảng 07 ngày bà N anh D sẽ gioa đủ số cà phê. Sau đó, bà L đòi bà N yêu cầu trả số cà phê nhiều lần nhưng bà N không trả như thỏa thuận trên.

Đến ngày 26/12/2020 bà N đã trả cho bà L 135.562kg cà phê tươi, sau đó hai bên chốt lại số cà phê còn nợ là 148.438kg cà phê tươi và 25 tấn cà phê nhân. Hai bên hẹn ngày 06/01/2021 sẽ trả hết. Tuy nhiên đến nay bà N anh N không trả như thỏa thuận và bà N cố tình tẩu tán tài sản làm ảnh hưởng đến quyền lợi của bà. Tất cả những lần mua bán đều do bà N và anh D trực tiếp đi và ký nhận, còn phía bà L chỉ một mình bà L thực hiện việc mua bán. Ngoài ra bà N còn vay tiền của bà L như sau:

Ngày 01/9/2020 bà N có vay tiền mặt của bà L 160.000.000đồng, hai bên thỏa thuận ngày 15/12/2020 bà N sẽ trả đủ gốc và lãi, khi vay hai bên có thỏa thuận lãi suất và có làm giấy vay tiền.

Ngày 26/12/2020 bà N vay tiếp 264.000.000đồng, thỏa thuận ngày 06/01/2021 sẽ trả lại số tiền trên. Tổng cộng bà N vay của bà L 424.000.000đồng đến nay bà N không trả mặc dù bà L đòi nhiều lần. Vì vậy, bà L làm đơn khởi kiện yêu cầu bà N và anh D liên đới trả số cà phê tươi và cà phê nhân theo giá thị trường cụ thể: 148.438kg cà phê tươi x 7.200đồng/01kg = 1.068.753.600đồng + 25.000kg cà phê nhân x 33.300đồng/01kg = 832.500.000đồng = 1.901.253.600đồng. Ngoài ra yêu cầu bà N trả số tiền gốc đã vay là 424.000.000đồng. Ngoài ra, bà L không yêu cầu gì khác.

Quá trình giải quyết vụ án, bà L rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số cà phê tươi do có sự nhầm lẫn khi các bên chốt sổ, bà L yêu cầu Tòa án giải quyết cho tôi buộc bà N anh D trả 98.138kg cà phê tươi x 7.200đồng/01kg = 706.593.000đồng và 25.000kg cà phê nhân x 33.300đồng/01kg = 832.500.000đồng. Tổng cộng yêu cầu bà N anh D thanh toán số cà phê là 1.539.093.000đồng.

Ngày 26/3/2021 nguyên đơn bà Lương Thị L có đơn khởi kiện bổ sung yêu cầu bà N và anh D trả tiền lãi trên số nợ cà phê và tiền lãi của tiền vay như sau:

- Số cà phê tươi 98.138kg x 7.200đồng/1kg = 706.593.000đồng tính từ ngày chậm thanh toán 07/01/2021 tạm tính cho đến nay là 02 tháng 19 ngày x 706.593.000đồng x 0.83%/tháng = 15.443.752đồng.

- Số cà phê nhân 25.000kg x 33.300đồng/1kg = 832.500.000đồng tính từ ngày cho chậm thanh toán 07/01/2021 tạm tính cho đến nay là 02 tháng 19 ngày x 832.500.000đồng x 0.83%/tháng = 18.195.675 đồng. Tổng cộng tiền lãi là 33.639.427 đồng.

- Số tiền vay gốc 160.000.000đồng tính từ ngày cho vay 01/9/2020 tạm tính cho đến nay là 6 tháng x 160.000.000đồng x 1,6%/tháng = 15.360.000đồng.

- Số tiền vay gốc 264.000.000đồng tính từ ngày cho vay 26/12/2020 tạm tính cho đến nay là 3 tháng x 264.000.000đồng x 1,6%/tháng = 12.672.000đồng. Ngoài ra không yêu cầu gì khác.

Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn trình bày bổ sung: Việc mua bán cà phê và vay tiền đều do bà N thực hiện và nhận tiền, có mặt anh D nhưng chỉ với tư cách làm chứng việc mua bán và vay tiền giữa bà L và bà N. Vì vậy, bà L thay đổi nội dung khởi kiện chỉ khởi kiện bà N, rút yêu cầu khởi kiện đối với anh D. Mặt khác, đối với việc mua bán cà phê tại giấy chốt cà ngày 13/8/2020 có ghi rõ thời gian giao cà phê, còn những giấy chốt sau đó hai bên không ghi thời gian giao cà phê trong giấy tờ nhưng hai bên có thỏa thuận miệng bà N sẽ giao trả cà phê mà hai bên đã chốt trong thời gian 05 đến 07 ngày kể từ ngày chốt cà phê. Do bà N không giao trả cà phê như thỏa thuận nên bà L đã nhiều lần yêu cầu bà N trả số cà phê nhưng bà N không trả. Ngày 26/12/2020 bà L và bà N đã chốt số cà phê mà các bên đã chốt, đã trả và số nợ còn lại và thời hạn trả số nợ. Ngoài ra, giữa bà L và bà N có thỏa thuận miệng trường hợp bà N không giao cà phê đúng thời hạn thì bà N phải trả số cà phê tương ứng với giá thị tại thời điểm thanh toán và chịu tiền lãi trên số cà phê chậm trả.

Đối với số tiền vay bà N vay 02 lần với số tiền 160.000.000đồng và 264.000.000đồng, hai bên có thỏa thuận miệng lãi suất 20%/01 năm tức 1,66%/tháng để tạo điều kiện làm ăn cho các bên nhưng không ghi vào giấy vay tiền. Không có sự việc số tiền 260.000.000đồng là chốt gốc và lãi từ số tiền 160.000.000đồng. Số tiền mua cà phê và tiền cho bà N vay là tài sản riêng của bà L không liên quan gì đến chồng bà.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn là ông Nguyễn Văn T trình bày:

Bà N có quen biết bà L vì mua bán nông sản. Bà Phan Thị Dung N có chốt cà phê cho bà L, cụ thể:

- Vào ngày 13/8/2020 bà N cùng với Nguyễn Thị L2, Trần Thị B có chốt cà phê tươi cho bà L với số lượng 40 tấn với giá tiền 4.500đồng/01 kg, hai bên có làm tờ tay, hẹn đến ngày 20/9/2020 sẽ trả, chữ ký trong giấy là của bà N, bà B, bà L2, con trai bà N là D.

- Vào ngày 15/8/2020 bà N chốt tiếp cà nhân với bà L, số lượng 6.000kg

cà phê nhân giá 25.000đồng/01kg, chữ ký trong giấy chốt là của bà N, của bà B, anh D.

- Vào ngày 21/8/2020 bà N tiếp tục chốt thêm 3.000kg cà phê nhân với số tiền 24.000đồng, hai bên có làm giấy tờ. Chữ ký trong giấy chốt là của bà N và anh D.

-Vào ngày 25/8/2020 bà N và D tiếp tục ký với bà L 50 tấn cà phê tươi với giá 4.500đồng/01kg.

- Vào ngày 04/9/2020 bà N cùng con trai Nguyễn Nhật D có chốt cà phê nhân cho bà L số lượng 5000kg x 24.000đồng/01kg, chữ ký trong giấy chốt là của bà N anh D.

- Ngày 09/9/2020 bà N chốt thêm 20 tấn cà phê tươi với giá 4.700đồng/1kg, chữ ký là của bà N, anh D.

- Ngày 25/9/2020 bà N tiếp tục chốt với bà L 3.000kg cà nhân với giá 24.000đồng/01kg, chữ ký là của bà L và anh D.

- Vào ngày 03/10/2020 bà N tiếp tục chốt 10 tấn cà phê giá 4.700đồng/01kg, chữ ký đúng của bà N và anh D.

- Ngày 08/10/2020 bà N tiếp tục chốt 3000kg cà phê nhân với giá 24.000đồng/01kg, chữ ký trong giấy chốt là của bà N và anh D.

- Ngày 19/10/2020 bà N chốt tiếp cà phê tươi số lượng 12 tấn x 5000đồng/01kg, chữ ký trong giấy chốt là của bà N và anh D.

- Ngày 20/10/2020 bà N chốt tiếp 20 tấn cà phê tươi với giá 5000đồng/01kg, chữ ky1trong giấy chốt là của bà N và anh D.

- Ngày 25/10/2020 bà N tiếp tục chốt 2000kg cà phê nhân với giá 25.000đồng/01kg, chữ ký là của bà N và anh D.

- Ngày 26/10/2020 trong giấy chốt cà 10 tấn cà phê tươi chữ ký không phải của bà N. Còn lại giấy chốt cà phê ngày 30/10/2020, ngày 01/11/2020, ngày 03/11/2020, ngày 11/11/2020, ngày 13/11/2020, ngày 17/11/2020 là đúng chữ ký của bà N và anh D, xác nhận nội dung số lượng và giá tiền là đúng. Ngoài ra vào ngày 01/9/2020 bà N và anh D cùng ký giấy vay của bà L số tiền 160.000.000đồng, chữ ký trong giấy vay đúng là của bà N và anh D. Hai bên thỏa thuận lãi suất nhưng không ghi trong giấy vay tiền, hai bên thỏa thuận ngày 15/12/2020 sẽ trả đủ cả gốc và lãi, chữ ký trong giấy vay là của bà N và anh D. Đối với lãi suất hai bên thỏa thuận 3.000đồng/01 triệu/01 ngày không ghi trong giấy mà chỉ thỏa thuận miệng. Bà N không vay số tiền 264.000.000đồng của bà L theo giấy vay tiền ngày 26/12/2020, chữ ký trong giấy vay tiền ngày 26/12/2020 là của bà N. Tuy nhiên, lý do ghi giấy vay tiền ngày 26/12/2020 là chốt tiền lãi của số tiền 160.000.000đồng lãi ngày 01/9/2020 thành số tiền 264.000.000đồng nên ngày 26/12/2020 viết giấy vay khác. Thực tế không vay số tiền 264.000.000đồng, số tiền 160.000.000đồng là tiền lãi mà hai trước đó chốt còn lại của số tiền gốc 850.000.000đồng. Số tiền gốc 850.000.000đồng bà N đã trả cho bà L. Bà N còn nợ bà L tiền lãi 160.000.000đồng nên viết giấy ngày 01/9/2020.Vì vậy, bà N không đồng ý trả số tiền 264.000.000đồng mà chỉ đồng ý trả số tiền 160.000.000đồng cho bà L.

Vào ngày 26/12/2020 có việc chốt số nợ giữa bà N và bà L, tuy nhiên số lượng cộng sai. Vì vậy, phần yêu cầu của nguyên đơn bà N không chấp nhận

một phần. Bị đơn không đồng ý trả số 98.138kg cà phê tươi, bị đơn chỉ đồng ý trả 88.138kg cà phê tươi với giá hai bên đã ký kết, bị đơn không đồng ý giá cà tươi 7.200đồng/1kg. Lý do không đồng ý trả số 10 tấn cà phê tươi vì chữ ký trong giấy mua bán không phải của bà N. Bị đơn đồng ý trả 25 tấn cà phê nhân cho nguyên đơn nhưng không đồng ý giá cà nhân là 33.300đồng/1kg.

Bị đơn không đồng ý trả số tiền vay 264.000.000đồng chỉ đồng ý trả cho nguyên đơn số tiền vay 160.000.000đồng.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà N có đơn đề nghị trưng cầu giám định chữ ký chữ viết trong giấy mua bán ngày 26/10/2020.

Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện bị bổ sung lời khai:

- Đối với việc mua bán cà phê có cả bà N, anh D, bà Trần Thị B, bà Nguyễn Thị L2. Các bên chưa tất toán cụ thể số nợ cà phê của mỗi người, chưa xác định khoản nào đến hạn. Mặt khác, việc cộng trừ số liệu trong giấy chốt ngày 26/12/2020 sai. Ngoài ra không có việc thỏa thuận phải trả lãi nếu không giao cà phê, không có việc thỏa thuận miệng sẽ giao cà phê trong khoảng từ 05 đến 07 ngày kể từ ngày chốt cà mà có cà phê lúc nào thì trả lúc đó. Đại diện bị đơn thừa nhận chữ ký trong giấy chốt ngày 26/12/2020 là của bà N. Vì vậy, bà N không đồng ý trả số cà phê tươi và nhân như yêu cầu của nguyên đơn.

- Đối với khoản vay chỉ đồng ý trả số tiền gốc 160.000.000đồng, không đồng ý trả số tiền 264.000.000đồng vì đây là số tiền chốt lãi 5.000đồng/01 triệu/01 ngày của số tiền 160.000.000đồng. Bị đơn không đồng ý trả lãi 1,6%tháng theo yêu cầu của nguyên đơn, đồng ý trả lãi theo quy định.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 51/2021/DS-ST ngày 28 tháng 10 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước đã quyết định:

"1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lương Thị L về việc "Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản và vay tài sản".

Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc chỉ buộc bị đơn bà Phan Thị Dung N thanh toán cho nguyên đơn bà L.

Buộc bị đơn bà Phan Thị Dung N và anh Nguyễn Nhựt D phải liên đới thanh toán cho nguyên đơn bà Lương Thị L số lượng 98.138kg cà phê tươi và 25.000kg cà phê nhân tương ứng với số tiền 1.598.535.000đồng.

Buộc bị đơn bà Phan Thị Dung N và anh Nguyễn Nhựt D phải liên đới trả số tiền lãi từ việc chậm giao cà phê cho nguyên đơn bà Lương Thị L là 128.698.041 đồng.

Buộc bị đơn bà Phan Thị Dung N và anh Nguyễn Nhựt D phải liên đới thanh toán cho nguyên đơn bà Lương Thị L số tiền gốc (đã vay) 424.000.000đồng và tiền lãi tính đến ngày xét xử là 82.647.880đồng. Tổng cả gốc và lãi là 506.647.880đồng...";

Ngoài ra còn quyết định về án phí, chi phí tố tụng, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự theo luật định.

Ngày 12/11/2021, bị đơn bà Phan Thị Dung N, anh Nguyễn Nhựt D có đơn kháng cáo bản án dân sự sơ thẩm, đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước sửa tòa bộ bản án dân sự sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn bà Lương Thị L và người đại diện theo ủy quyền của bị đơn bà Phan Thị Dung N, anh Nguyễn Nhựt D là ông Huỳnh Văn L1 thống nhất thỏa thuận, cụ thể:

1. Đối với các giấy vay tiền:

- Đối với số tiền vay gốc 160.000.000đồng nguyên đơn bà Lương Thị L đồng ý không yêu cầu bị đơn bà Phan Thị Dung N, anh Nguyễn Nhựt D phải trả.

- Nguyên đơn bà Lương Thị L yêu cầu bị đơn bà Phan Thị Dung N, anh Nguyễn Nhựt D phải có nghĩa vụ liên đới trả số tiền vay gốc là 264.000.000đồng.

2. Đối với số lượng cà phê tươi:

- Nguyên đơn bà Lương Thị L và người đại diện theo ủy quyền của bị đơn bà Phan Thị Dung N, anh Nguyễn Nhựt D là ông Huỳnh Văn L1 thống nhất số lượng là 98.138 tấn với mức giá là 7.200đồng/01kg. Tổng số tiền là 98.138 tấn x 7.200đồng/01kg = 706.593.600đồng (làm tròn thành số tiền 706.000.000đồng).

3. Đối với số lượng cà phê nhân: Nguyên đơn bà Lương Thị L và người đại diện theo ủy quyền của bị đơn bà Phan Thị Dung N, anh Nguyễn Nhựt D là ông Huỳnh Văn L1 thống nhất số lượng là 25 tấn với mức giá là 33.300đồng/01kg. Tổng số tiền là 25 tấn x 33.300đồng/01kg = 832.500.000đồng (làm tròn thành số tiền 832.000.000đồng).

Như vậy, tổng số tiền gốc của số tiền nợ vay và tiền nợ do mua bán mà bà Phan Thị Dung N, anh Nguyễn Nhựt D phải có nghĩa vụ liên đới trả cho nguyên đơn bà Lương Thị L là: 1.802.000.000 đồng (một tỷ tám trăm lẻ hai triệu đồng) (264.000.000đồng + 706.000.000đồng + 832.000.000 đồng = 1.802.000.000 đồng).

Bà Lương Thị L yêu cầu tính lãi từ ngày 06/01/2021 đến ngày 09/6/2022 là 16 tháng với mức lãi suất 1,6%/tháng. Như vậy, số tiền lãi là: 1.802.000.000 đồng x 1,6%/tháng x 16 tháng = 461.312.000 đồng.

Tổng cả gốc và lãi là: 2.263.312.000 đồng (hai tỷ hai trăm sáu mươi ba triệu ba trăm mười hai nghìn đồng) (1.802.000.000 đồng + 461.312.000 đồng = 2.263.312.000 đồng).

Tuy nhiên, bà Lương Thị L chỉ yêu cầu bị đơn bà Phan Thị Dung N, anh Nguyễn Nhựt D liên đới trả số tiền 2.250.000.000 đồng (hai tỷ hai trăm năm mươi triệu đồng).

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn bà Phan Thị Dung N, anh Nguyễn Nhựt D là ông Huỳnh Văn L1 đồng ý với yêu cầu của bà L. Bà Phan Thị Dung N, anh Nguyễn Nhựt D đồng ý liên đới trả số tiền 2.250.000.000 đồng (hai tỷ hai trăm năm mươi triệu đồng) cho bà Lương Thị L.

4. Về tiền án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Lương Thị L tự nguyện chịu 50% tiền án phí đối với số tiền 2.250.000.000 đồng là 38.500.000 đồng.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn bà Phan Thị Dung N, anh Nguyễn Nhựt D là ông Huỳnh Văn L1 đồng ý về việc bà N và anh D tự nguyện liên đới chịu 50% tiền án phí đối với số tiền 2.250.000.000 đồng là 38.500.000 đồng.

Các đương sự đề nghị Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

Ý kiến của Kiểm sát viên - Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước tại phiên tòa:

- Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử, kể từ khi thụ lý vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán và Hội đồng xét xử tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về hướng giải quyết vụ án: Tại phiên tòa các đương sự đã thống nhất thỏa thuận với nhau về nội dung tranh chấp, do đó đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 300, Điều 309 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự, sửa bản án dân sự sơ thẩm số 51/2021/DS-ST ngày 28/10/2021 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và quan điểm của đại diện Viện kiểm sát đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Đơn kháng cáo của bị đơn bà được nộp trong hạn luật định nên được chấp nhận xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm, vì vậy Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước thụ lý và giải quyết phúc thẩm vụ án là đúng theo quy định tại Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung:

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn bà Lương Thị L và người đại diện theo ủy quyền của bị đơn bà Phan Thị Dung N, anh Nguyễn Nhựt D là ông Huỳnh Văn L1 thống nhất thỏa thuận, cụ thể:

[2.1]. Đối với các giấy vay tiền:

- Đối với số tiền vay gốc 160.000.000đồng nguyên đơn bà Lương Thị L đồng ý không yêu cầu bị đơn bà Phan Thị Dung N, anh Nguyễn Nhựt D phải trả.

- Nguyên đơn bà Lương Thị L yêu cầu bị đơn bà Phan Thị Dung N, anh Nguyễn Nhựt D phải có nghĩa vụ liên đới trả số tiền vay gốc là 264.000.000đồng.

[2.2]. Đối với số lượng cà phê tươi:

- Nguyên đơn bà Lương Thị L và người đại diện theo ủy quyền của bị đơn bà Phan Thị Dung N, anh Nguyễn Nhựt D là ông Huỳnh Văn L1 thống nhất số lượng là 98.138 tấn với mức giá là 7.200đồng/01kg. Tổng số tiền là

98.138 tấn x 7.200đồng/01kg = 706.593.600đồng (làm tròn thành số tiền 706.000.000đồng).

[2.3]. Đối với số lượng cà phê nhân: Nguyên đơn bà Lương Thị L và người đại diện theo ủy quyền của bị đơn bà Phan Thị Dung N, anh Nguyễn Nhựt D là ông Huỳnh Văn L1 thống nhất số lượng là 25 tấn với mức giá là 33.300đồng/01kg. Tổng số tiền là 25 tấn x 33.300đồng/01kg = 832.500.000đồng (làm tròn thành số tiền 832.000.000đồng).

Như vậy, tổng số tiền gốc của số tiền nợ vay và tiền nợ do mua bán mà bà Phan Thị Dung N, anh Nguyễn Nhựt D phải có nghĩa vụ liên đới trả cho nguyên đơn bà Lương Thị L là: 1.802.000.000 đồng (một tỷ tám trăm lẻ hai triệu đồng) (264.000.000đồng + 706.000.000đồng + 832.000.000 đồng = 1.802.000.000 đồng).

Bà Lương Thị L yêu cầu tính lãi từ ngày 06/01/2021 đến ngày 09/6/2022 là 16 tháng với mức lãi suất 1,6%/tháng. Như vậy, số tiền lãi là: 1.802.000.000 đồng x 1,6%/tháng x 16 tháng = 461.312.000 đồng.

Tổng cả gốc và lãi là: 2.263.312.000 đồng (hai tỷ hai trăm sáu mươi ba triệu ba trăm mười hai nghìn đồng) (1.802.000.000 đồng + 461.312.000 đồng = 2.263.312.000 đồng).

Tuy nhiên, bà Lương Thị L chỉ yêu cầu bị đơn bà Phan Thị Dung N, anh Nguyễn Nhựt D liên đới trả số tiền 2.250.000.000 đồng (hai tỷ hai trăm năm mươi triệu đồng).

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn bà Phan Thị Dung N, anh Nguyễn Nhựt D là ông Huỳnh Văn L1 đồng ý với yêu cầu của bà L. Bà Phan Thị Dung N, anh Nguyễn Nhựt D đồng ý liên đới trả số tiền 2.250.000.000 đồng (hai tỷ hai trăm năm mươi triệu đồng) cho bà Lương Thị L.

Xét thấy, việc các đương sự đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án và việc thỏa thuận này là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật và không trái với đạo đức xã hội. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy cần công nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

[2.4]. Về tiền án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Lương Thị L tự nguyện chịu 50% tiền án phí đối với số tiền 2.250.000.000 đồng là 38.500.000 đồng.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn bà Phan Thị Dung N, anh Nguyễn Nhựt D là ông Huỳnh Văn L1 đồng ý về việc bà N và anh D tự nguyện liên đới chịu 50% tiền án phí đối với số tiền 2.250.000.000 đồng là 38.500.000 đồng.

[2.5]. Về chi phí giám định chữ viết chữ ký số tiền 6.000.000đồng. Do kết quả giám định là chữ ký của bà N nên buộc bị đơn bà N phải chịu theo quy định.

[3] Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước là có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo bị đơn bà Phan Thị Dung N, anh Nguyễn Nhựt D được chấp nhận một phần nên bà N, anh D không phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 300, Khoản 2 Điều 308, Điều 309 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bị đơn bà Phan Thị Dung N, anh Nguyễn Nhựt D.

Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 51/2021/DS-ST ngày 28/10/2021 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước.

Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự về việc giải quyết toàn bộ nội dung vụ án, cụ thể:

1. Buộc bị đơn bà Phan Thị Dung N, anh Nguyễn Nhựt D phải có nghĩa vụ liên đới trả cho nguyên đơn bà Lương Thị L tổng tiền gốc và lãi của số tiền vay và mua bán hàng hóa là 2.250.000.000 đồng (hai tỷ hai trăm năm mươi triệu đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về chi phí giám định chữ viết chữ ký số tiền 6.000.000đồng. Bà Phan Thị Dung N phải chịu.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bị đơn bà Phan Thị Dung N và anh Nguyễn Nhựt D phải liên đới chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 38.500.000 đồng (Ba mươi tám triệu năm trăm nghìn đồng).

- Bà Lương Thị L phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 38.500.000 đồng (Ba mươi tám triệu năm trăm nghìn đồng), nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp. Chi cục Thi hành án huyện B, tỉnh Bình Phước hoàn trả lại cho nguyên đơn bà Lương Thị L số tiền tạm ứng án phí còn lại 752.536đồng theo biên lai thu tiền số 015939 ngày 06 tháng 01 năm 2020, số tiền tạm ứng án phí 840.000đồng theo biên lai thu tiền số 016117 ngày 30 tháng 3 năm 2021 và số tiền tạm ứng án phí 700.000đồng theo biên lai thu tiền số 0116108 ngày 26 tháng 3 năm 2021 của Chi cục Thi hành án huyện B, tỉnh Bình Phước .

4. Về án phí dân sự phúc thẩm:

- Bà Phan Thị Dung N và anh Nguyễn Nhựt D không phải chịu. Chi cục Thi hành án huyện B, tỉnh Bình Phước hoàn trả lại cho bà N anh D số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* theo biên lai thu số 0000120, ngày 19 tháng 11 năm 2021 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện B, tỉnh Bình Phước. Bà Phan Thị Dung N và anh Nguyễn Nhựt D đã nộp đủ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Bình Phước;
- TAND huyện B;
- CCTHADS huyện B;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HS, TDS, HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Thư